

Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước¹
(Tài liệu phục vụ hồ sơ thẩm định của Bộ Tư pháp)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước (thay thế Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT:

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

Qua rà soát nhằm phát hiện các quy định không còn phù hợp của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP², chú trọng các nội dung quy định có thể gây cản trở, vướng mắc cho các cơ quan, đơn vị khi thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ chuyển đổi số, từ đó, đề xuất hướng, quy định sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đồng thời tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

2. Phạm vi, nội dung rà soát

- Về phạm vi rà soát: Gồm toàn bộ nội dung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP, dự thảo Nghị định thay thế và các văn bản quy phạm pháp luật (Hiến pháp, Luật, các Nghị định của Chính phủ) có liên quan.

¹ Mẫu số 7 Phụ lục IV Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

² Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

- Về nội dung rà soát: Đối chiếu toàn bộ các quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP và dự thảo Nghị định thay thế với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Đối tượng rà soát

Qua rà soát đã xác định được 24 văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, bao gồm:

a) Chủ trương, đường lối của Đảng

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã chỉ đạo khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế, xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: *Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.*

Và cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2015 của Bộ Chính trị về “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định quan điểm «*Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống*». Mục tiêu «*năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật*». Các nhiệm vụ «*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn*»; «*Tăng cường đối thoại, tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của pháp luật sau ban hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ chế kịp thời nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ, tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định của pháp luật*».

b) Các luật, Nghị quyết:

- Luật Đầu tư công năm 2024, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15.
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15.
- Luật Giao dịch điện tử năm 2023.
- Luật Công nghệ thông tin năm 2006.
- Luật Đấu thầu năm 2023, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.
- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025.
- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025.
- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 ; sửa đổi, bổ sung năm 2024 bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15.
- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.
- Luật Dữ liệu năm 2024.
- Luật An toàn thông tin mạng.

c) Các Nghị định:

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ và Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ).

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác.

- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

- Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

d) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Dự thảo Nghị định không có nội dung nào liên quan tới các quy định được quy định cấp văn bản của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Các điều ước quốc tế

Dự thảo Nghị định không có nội dung nào liên quan tới các quy định về ưu đãi thuế quan, quy tắc đối xử hàng hóa, dịch vụ, mua sắm công được quy định trong các điều ước quốc tế song phương và đa phương mà Việt Nam tham gia hoặc là đối tác.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

Xác định rõ chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định cần thể chế hóa thành quy định của pháp luật; đề xuất phương án xử lý. Cụ thể:

a) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã chỉ đạo khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế, xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.

Và cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính.

b) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2015 của Bộ Chính trị về “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định quan điểm «Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống». Mục tiêu « năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật». Các nhiệm vụ « Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn» ; « Tăng cường đối thoại, tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của pháp luật sau ban hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ chế kịp thời nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ, tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định của pháp luật».

Các quy định về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hiện hành tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP cần thay đổi, sửa đổi để thể chế hóa chủ trương này.

Theo đánh giá của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia, các quy định về quy trình, thủ tục triển khai dự án chưa tối ưu, chưa phù hợp với dự án phần mềm, còn nhiều bước thủ tục dẫn tới việc thực thi không thống nhất, đồng bộ, có tình trạng thực tế các cơ quan kéo dài thời gian thẩm định, phê duyệt. Cụ thể bao gồm:

(1) Chưa có quy định rõ về nội dung, thời gian thẩm định, quyết định dự án: *Dự thảo Nghị định bổ sung quy định rõ nội dung thẩm định dự án, cơ quan thẩm định dự án, thời gian thẩm định dự án, thời gian quyết định dự án, nội dung quyết định dự án.*

(2) Quy định thẩm định dự án phải có sự tham gia của 02 cơ quan là cơ quan chủ trì thẩm định dự án và cơ quan thẩm định thiết kế của dự án gây ra nhiều đầu mối, chưa tối ưu quy trình: *Dự thảo Nghị định bỏ quy định phải lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở của đơn vị chuyên môn về CNTT. Thay vào đó, đơn vị đầu mối thẩm định dự án sẽ thực hiện thẩm định tất cả nội dung của dự án, bao gồm thiết kế. Tuy nhiên, qua quá trình lấy ý kiến rộng rãi, nhiều cơ quan đề nghị giữ lại/cần có sự tham gia thẩm định thiết kế kỹ thuật của đơn vị chuyên môn về CNTT.*

(3) Đơn vị thẩm định thiết kế không xác định được trong trường hợp cơ quan không có đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin; Quy định các dự án nhóm A của các bộ, ngành, địa phương phải được Bộ KH-CN thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết là chưa phù hợp với chủ trương *phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”* : *Dự thảo Nghị định sửa quy định đơn vị thẩm định thiết kế để tránh trường hợp cơ quan không có đơn vị chuyên môn về CNTT; bỏ quy định Bộ KH-CN thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết dự án nhóm A.*

(4) Khi thiết kế có sự thay đổi nhưng không thay đổi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư vẫn phải trình lại cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án để điều chỉnh dự án và phải thực hiện đầy đủ các bước lập điều chỉnh, thẩm định điều chỉnh, phê duyệt điều chỉnh thiết kế gây kéo dài thời gian và chưa tối ưu quy trình, thủ tục, ...: *Dự thảo Nghị định bổ sung quy định chủ đầu tư được tự điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt thiết kế, không phải thực hiện lại quy trình điều chỉnh dự án như quy định hiện nay mà không làm thay đổi tổng mức đầu tư dự án, mục tiêu, quy mô, kết quả, địa điểm thực hiện dự án.*

(5) Không có quy định riêng (quy trình tối ưu) cho dự án phần mềm nội bộ. Đối với phần mềm nội bộ, việc thiết kế và triển khai (coding) một phần mềm do 02 nhà thầu tách biệt là chưa phù hợp với đặc thù của dự án phần mềm đòi hỏi tính linh hoạt trong thiết kế để đáp ứng với thực tế triển khai, thiết kế phần mềm thay đổi liên tục trong quá trình triển khai. Các dự án phần mềm nội bộ hoặc dự án có hạng mục phần mềm nội bộ đều thực hiện theo quy trình chung như các dự án CNTT khác (Chủ đầu tư thuê nhà thầu A lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án,

trong đó gồm Thiết kế cơ sở. Sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì chủ đầu tư thuê nhà thầu B lập Thiết kế chi tiết và dự toán; sau khi Thiết kế chi tiết và dự toán được Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt thì chủ đầu tư thuê nhà thầu C triển khai thực hiện (thi công)): *Dự thảo Nghị định bổ sung các quy định áp dụng riêng, đột phá để triển khai các dự án phần mềm nội bộ. Theo đó, những dự án này thì sau khi dự án được duyệt, chủ đầu tư được áp dụng hình thức một nhà thầu thiết kế chi tiết và triển khai dự án.*

(6) Chưa có quy định cụ thể về các dự án lập thiết kế 01 bước, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai: *Dự thảo Nghị định bổ sung quy định rõ các trường hợp dự án thiết kế 01 bước.*

(7) Các chi phí trong tổng mức đầu tư, dự toán còn chưa sát với thị trường, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế: *Dự thảo Nghị định sửa đổi các quy định về phương pháp xác định tổng mức đầu tư, dự toán theo hướng dựa trên thị trường, báo giá và theo các phương pháp được nhiều quốc gia đang sử dụng.*

(8) Thiếu hướng dẫn cụ thể về loại hồ sơ mời thầu (HSMT) cho các gói thầu xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ. Điều này gây ra sự không nhất quán: có chủ đầu tư sử dụng HSMT gói thầu dịch vụ tư vấn, có chủ đầu tư sử dụng HSMT theo mẫu gói thầu mua sắm hàng hóa. Cần phải có quy định thống nhất loại HSMT áp dụng cho phần mềm nội bộ: *Dự thảo Nghị định bổ sung các quy định dẫn chiếu áp dụng mẫu hồ sơ mời thầu đối với gói thầu thiết kế và thực hiện công tác triển khai áp dụng theo mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu EP của pháp luật về đấu thầu.*

(9) Thực tế hiện nay tại các địa phương, kinh phí thực hiện triển khai dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin chủ yếu sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước, với mức kinh phí đầu tư không nhiều; có rất nhiều nhiệm vụ đầu tư xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ có kinh phí dưới 300 triệu đồng mà nếu triển khai lập dự án theo thiết kế 02 bước thì sẽ rất khó khăn và không đảm bảo được thời gian để triển khai các nhiệm vụ được giao. Tại nhiều Bộ, ngành có nhiều hệ thống thông tin quan trọng, CSDL cần triển khai ngay để kịp tiến độ được BCD Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST, CDS, Quốc hội, Chính phủ giao mà nếu triển khai theo hình thức dự án thì phải trải qua nhiều bước, thủ tục, khó có thể kịp tiến độ được giao: *Dự thảo Nghị định bổ sung quy định những trường hợp không phải triển khai theo hình thức dự án để đáp ứng giải quyết các vướng mắc này.*

(10) Hiện nay, CNTT thay đổi rất nhanh chóng, thường 6 đến 9 tháng các hãng công nghệ đã công bố sản phẩm mới. Trong khi đó để thực hiện các thủ tục dự án CNTT theo quy định hiện hành thì phải mất hàng năm. Mặt khác, số lượng Thông tư, Nghị định, đề án luật sửa đổi hàng năm của các bộ, ngành là rất lớn, theo đó đều phải có chỉnh sửa cập nhật đối với các hệ thống CNTT, để theo kịp hiệu lực thi hành. Do đó, cần sửa quy định để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong triển khai CNTT, đặc biệt là các hoạt động xây dựng, nâng cấp, mở rộng phần mềm: *Dự thảo Nghị định bổ sung quy định những trường hợp không phải triển khai theo hình thức dự án để đáp ứng giải quyết các vướng mắc này.*

(11) Theo chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024: "...bổ trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển...". Điều này dẫn đến các cơ quan trung ương và địa phương sẽ có thêm nguồn chi để lập dự án đầu tư thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với đó có sự thay đổi trong mô hình chính quyền, gộp các tỉnh nên giá trị dự án sẽ lớn hơn trước đây. Đòi hỏi các quy định về thiết kế dự án cần sửa đổi, thay đổi nâng hạn mức giá trị được áp dụng thiết kế 1 bước để phù hợp với thực tế phát triển: *Dự thảo Nghị định bổ sung quy định các trường hợp không phân biệt mức tiền (tổng mức đầu tư) mà chủ đầu tư thấy có thể thiết kế chi tiết được ngay từ khi lập dự án thì được áp dụng hình thức thiết kế 01 bước.*

(12) Quy định về việc so sánh và đánh giá hiệu quả giữa phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin và đầu tư mới gây khó khăn trong việc thực hiện thuê dịch vụ CNTT. Thực tế, việc lựa chọn giữa đầu tư và thuê dịch vụ là một quyết định quan trọng nhưng thường thiếu cơ sở đánh giá bài bản. Quy định hiện nay yêu cầu phải thuyết minh, đánh giá hiệu quả (ví dụ: phân tích tổng chi phí, khả năng mở rộng, rủi ro về an toàn thông tin, yêu cầu về nhân lực vận hành, tính sẵn sàng của dịch vụ) nhưng chưa phù hợp với thực tế là khi đánh giá, so sánh không có số liệu, không có thông tin cụ thể để phân tích mà thường dựa vào ước lượng và các đánh giá chủ quan của cơ quan đề xuất. Dẫn tới, mặc dù có quy định các tiêu chí đánh giá, thuyết minh so sánh giữa thuê dịch vụ CNTT và đầu tư, mua sắm để từ đó quyết định hình thức thực hiện nhưng các cơ quan lúng túng không biết đánh giá như thế nào, dựa vào các thông tin nào để phân tích và gây "ách tắc" ngay từ khâu đề xuất nhiệm vụ: *Dự thảo Nghị định bỏ quy định phải thuyết minh, so sánh, đánh*

giá giữa hình thức thuê dịch vụ CNTT với đầu tư, mua sắm để làm cơ sở quyết định hình thức thực hiện.

(13) Dự án ứng dụng CNTT phần lớn triển khai tại nhiều địa điểm gắn với đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ hoặc trụ sở cơ quan. Từ lúc phê duyệt dự án đến lúc triển khai dự án, đơn vị có thể thay đổi về chức năng, nhiệm vụ hoặc thay đổi trụ sở nên để giảm thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh lại Quyết định dự án đầu tư và đẩy nhanh tiến độ triển khai thì cho phép Chủ đầu tư tự điều chỉnh thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết: *Dự thảo Nghị định bổ sung quy định chủ đầu tư được tự điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt thiết kế, không phải thực hiện lại quy trình điều chỉnh dự án như quy định hiện nay mà không làm thay đổi tổng mức đầu tư, mục tiêu, quy mô, kết quả, địa điểm thực hiện dự án.*

(14) Đối với thuê dịch vụ công nghệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu riêng thì cần có các quy định thời gian thuê tối thiểu là nhiều năm (01 hoặc 3 năm) để đảm bảo đủ thời gian bù đắp được chi phí cho Nhà thầu và đủ thời gian cho Chủ đầu tư đánh giá được hiệu quả thuê dịch vụ công nghệ thông tin: *Dự thảo Nghị định bổ sung các quy định được thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong nhiều năm.*

(15) Trên thực tế, có một số Chủ đầu tư yêu cầu chuyển giao tài sản là phần mềm, thiết bị sau khi hết thời gian thuê. Điều này không phù hợp với nguyên tắc cho thuê phải hoàn trả theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, việc chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho thuê từ Bên cho thuê sang cho Bên thuê sau khi kết thúc thời gian thuê có dấu hiệu của hoạt động cho thuê tài chính, không đúng bản chất của hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin: *Dự thảo Nghị định bổ sung quy định thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê phải bắt buộc bàn giao. Tài sản là phần mềm, thiết bị sau khi hết thời gian thuê thì không bắt buộc bàn giao.*

(16) Trong thực tế, nhiều dự án tạm dừng vì lý do bất khả kháng hoặc quyết định từ cấp có thẩm quyền nhưng không có quy định rõ ràng về việc thanh toán, dẫn đến nợ đọng, thiệt hại cho nhà thầu: *Dự thảo Nghị định bổ sung quy định chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu cho phần công việc đã nghiệm thu, hoàn thành mà không do lỗi của nhà thầu.*

(17) Trên thực tế, nhiều nhà sản xuất thiết bị CNTT hoặc phần mềm thương mại xác lập thời gian bảo hành tính từ thời điểm kích hoạt license, bàn giao thiết bị thực tế, hoặc thời điểm giao hàng chứ không phải luôn trùng với ngày nghiệm thu tổng thể của dự án. Nếu chỉ quy định cố định theo một mốc thời gian bàn giao,

nghiệm thu thì nhà thầu có thể mất một thời gian bảo hành do chờ chủ đầu tư hoàn tất thủ tục hành chính – điều này bất lợi và gây khó cho việc quản lý thời hạn bảo hành thực tế: *Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về thời điểm tính thời gian bảo hành sản phẩm của dự án.*

(18) Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) được khuyến khích nhưng các quy định hiện hành (Luật Đầu tư công, Nghị định 73/2019/NĐ-CP và Nghị định 82/2024/NĐ-CP) chỉ cho phép sử dụng kinh phí chi thường xuyên được bố trí hằng năm. Điều này làm giảm động lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước: *Dự thảo Nghị định bổ sung quy định dự án thuê dịch vụ CNTT sử dụng vốn đầu tư công ngân sách nhà nước.*

(19) Hiện tại, Nghị định 73/2019/NĐ-CP quy định dự án ứng dụng CNTT theo hình thức đối tác công tư (PPP) sẽ thực hiện theo luật PPP. Tuy nhiên, luật PPP hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể cho dự án CNTT: *Dự thảo Nghị định bỏ quy định loại trừ dự án PPP. Dự án PPP thực hiện theo quy định của pháp luật PPP và các quy định về kỹ thuật tại Nghị định này.*

(20) Việc xác định giá trị phần mềm tuy đã được quy định gồm nhiều phương pháp (5 phương pháp) nhưng vẫn còn phương pháp tính toán giá trị phần mềm dựa trên usecase (UC). Theo ý kiến của các chuyên gia, phần mềm thiết kế theo UC thường chỉ phù hợp với các phần mềm nhỏ, đơn lẻ, đơn giản, không phù hợp với các phần mềm sử dụng công nghệ mới, hiện đại (AI, ...): *Dự thảo Nghị định quy định giá trị phần mềm được xác định theo báo giá thị trường.*

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

a) Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự thảo: 23 văn bản.

b) Xác định rõ những chính sách/quy định của dự thảo có quy định khác so với quy định hiện hành trong các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát; đề xuất phương án xử lý. Cụ thể:

(1) Quy định của dự thảo về dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công.

Tại Chương II và các Điều quy định về dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn đầu tư công liên quan trực tiếp tới Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật An toàn thông tin

mạng, Luật Dữ liệu, Luật Đầu tư theo phương thức hợp tác công tư, Luật Giao dịch điện tử và các Nghị định quy định chi tiết các Luật này.

- Quy định tại Điều 4 về Tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và bảo đảm khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu: *Quy định này đồng bộ với quy định tại Luật Giao dịch điện tử về Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số bao gồm Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số; khung kiến trúc số của các cơ quan, tổ chức (Điều 42 Luật Giao dịch điện tử). Quy định tại Điều 4 chỉ mang tính viện dẫn đến Khung kiến trúc mà không quy định cụ thể về Khung kiến trúc để tránh chồng chéo với Luật giao dịch điện tử và Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025.*

- Quy định tại Điều 4 về bảo đảm nguyên tắc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu theo quy định của Luật dữ liệu: *Quy định này đồng bộ với quy định tại Luật Dữ liệu (Điều 5). Quy định này chỉ viện dẫn đến nguyên tắc đã được quy định tại Luật Dữ liệu mà không quy định lại, không quy định khác với Luật về vấn đề dữ liệu.*

- Quy định tại Điều 6 về phân loại dự án, chủ đầu tư dự án: *Quy định này đồng bộ với quy định tại Luật Đầu tư công (khoản 7 Điều 4 và Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11). Quy định này chỉ viện dẫn đến quy định chủ đầu tư, các tiêu chí phân loại dự án đã được quy định tại Luật Đầu tư công mà không quy định lại, không quy định khác với Luật.*

- Quy định tại Điều 6 về lập, thẩm định, quyết định, điều chỉnh, dừng chủ trương đầu tư: *Quy định này đồng bộ với quy định tại Mục 1 Chương II của Luật Đầu tư công và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Quy định này chỉ viện dẫn đến quy định đã có của Luật Đầu tư công mà không quy định lại, không quy định khác.*

Riêng quy định về cách xác định sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thì Nghị định này quy định chi tiết để áp dụng cho riêng dự án CNTT. Lý do: Luật Đầu tư công chỉ quy định nhắc đến sơ bộ tổng mức đầu tư (Điều 34, Điều 35) mà không quy định cách xác định sơ bộ tổng mức đầu tư trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án. Việc dự thảo Nghị định này quy định xác định sơ bộ tổng mức đầu tư là không trái với Luật Đầu tư công.

- Quy định tại Điều 6 về Lập, thẩm định, quyết định, điều chỉnh, dừng dự án: *Lập, quyết định, điều chỉnh, dừng dự án là nhiều công đoạn/giai đoạn trong quá trình quyết định đầu tư dự án. Quy định trong dự thảo Nghị định theo nguyên tắc: Những quy định nào đã được Luật Đầu tư công quy định cứng thì viện dẫn đến*

Luật Đầu tư công để các cơ quan biết, áp dụng, không quy định lại hoặc quy định khác; những quy định nào Luật Đầu tư công giao cho Chính phủ quy định chi tiết thì dự thảo Nghị định này quy định chi tiết áp dụng riêng cho dự án CNTT.

Đồng thời, tại Điều 55 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP cũng đã quy định loại trừ áp dụng cho dự án CNTT “Đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước”.

Như vậy, dự thảo Nghị định này cũng được phép quy định riêng về trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn đầu tư công. Các quy định riêng bao gồm: Các bước thiết kế; nội dung cần thuyết minh rõ của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (trên cơ sở bảo đảm nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Luật Đầu tư công quy định); nội dung của thiết kế, lập thiết kế, thẩm định, điều chỉnh thiết kế, dự toán; nội dung của tổng mức đầu tư; thành phần hồ sơ quyết định dự án; nội dung thẩm định; thời gian thẩm định, tổ chức thẩm định dự án; thời gian, nội dung quyết định dự án; Công tác triển khai, giám sát công tác triển khai, kiểm thử, vận hành thử, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của dự án, lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành sản phẩm hoặc hạng mục của dự án, bảo hành sản phẩm của dự án, tổ chức quản lý dự án; trình tự, thủ tục đối với dự án phần mềm nội bộ.

- Quy định về dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công: Dự thảo Nghị định tại các Điều ở Chương II có quy định về dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công. Trước đây, tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP không có quy định dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công. Lý do là vì Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ (Khoản 3 Điều 53) đã bãi bỏ các quy định về dự án thuê dịch vụ CNTT sử dụng vốn đầu tư công.

Dự thảo Nghị định bổ sung lại các quy định về dự án thuê dịch vụ CNTT sử dụng vốn đầu tư công vì Hội đồng Tư vấn quốc gia về phát triển KHCN, ĐMST, CDS chỉ ra điểm nghẽn về vốn cho hoạt động thuê dịch vụ CNTT là không có quy định thuê dịch vụ CNTT được sử dụng vốn đầu tư công.

Bộ KHCN đã nghiên cứu Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15 và Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và thấy rằng: Luật Ngân sách nhà nước đã có quy định rõ “Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn (chi đầu tư công và chi thường xuyên): mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác”.

Luật Đầu tư công cũng quy định (điểm b khoản 1 Điều 6): “Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án sử dụng vốn đầu tư công để mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản này”.

Trên cơ sở đó, trong dự thảo Nghị định đã có các quy định về dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong Chương II dự thảo Nghị định, lồng ghép với các quy định riêng về dự án CNTT và không trái với Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

- Quy định tại Điều 6 về bố trí vốn đầu tư công cho dự án đầu tư ứng dụng CNTT: Quy định này đồng bộ với Luật Đầu tư công về kế hoạch đầu tư công, phân bổ bố trí vốn đầu tư công. Nghị định này chỉ viện dẫn đến Luật Đầu tư công mà không quy định lại, không quy định khác với Luật và các Nghị định quy định chi tiết.

- Quy định tại Điều 6 về đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư ứng dụng CNTT: Quy định này đồng bộ với Luật đấu thầu. Nghị định này chỉ viện dẫn đến Luật Đấu thầu mà không quy định lại, không quy định khác với Luật và các Nghị định quy định chi tiết.

- Quy định tại Điều 6 về xử lý tài sản là kết quả của dự án và tài sản phục vụ hoạt động của dự án: Quy định này đồng bộ với Luật Quản lý sử dụng tài sản công (Chương VI về chế độ quản lý, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước). Nghị định này chỉ viện dẫn đến Luật Quản lý sử dụng tài sản công mà không quy định lại, không quy định khác với Luật và các Nghị định quy định chi tiết.

- Quy định tại Điều 6 về thanh toán, quyết toán dự án: Quy định này đồng bộ với các Nghị định, Thông tư về thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước (Nghị định số 99/2021/NĐ-CP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Thông tư số 27/2025/TT-BTC ngày 22/5/2025 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

Nghị định này chỉ viện dẫn đến mà không quy định lại, không quy định khác với văn bản này.

- Các quy định riêng về quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT thì dự thảo Nghị định này quy định và không trùng chéo, mâu thuẫn với Luật Công nghệ thông tin, Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng.

(2) Quy định của dự thảo về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên

Tại Chương III và các Điều quy định về hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên liên quan trực tiếp tới Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu, các Nghị định quy định chi tiết các Luật này, Nghị định số 98/2025/NĐ-CP.

- Điều 26, Điều 27 quy định các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên sau khi được phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thì tổ chức thực hiện mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định của pháp luật có liên quan và Nghị định này: *Quy định này đồng bộ với Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 98/2025/NĐ-CP của Chính phủ.*

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15 và Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 đã có quy định rõ “Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được bố trí từ hai nguồn (chi đầu tư công và chi thường xuyên): mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác”.

Nghị định số 98/2025/NĐ-CP (khoản 3 Điều 1) quy định “Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ và các nhiệm vụ cần thiết khác sử dụng kinh phí chi thường xuyên trong lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác (nếu có, ngoài quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này): Các cơ quan, đơn vị áp dụng quy định tại Nghị định này về trình tự, thủ tục lập dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí chi thường xuyên và thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin,

khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.”

Nghị định số 98/2025/NĐ-CP (khoản 2 Điều 6 và Điều 7) quy định:

“Điều 6. Phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị

...

2. Quản lý, sử dụng kinh phí, tổ chức mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị

a) Trên cơ sở quyết định giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I và quyết định giao nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị của cấp có thẩm quyền quy định tại Nghị định này, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách triển khai thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị trong năm ngân sách theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan.

b) Các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách được giao dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.”

Điều 7. Quyết toán kinh phí

1. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị theo quy định tại Nghị định này và tổng hợp trong báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán, các văn bản hướng dẫn và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phải lập thành dự án theo quy định pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan, ngoài việc tổng hợp báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quyết toán kinh phí chi thường xuyên hoàn thành dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.”

Dự thảo Nghị định này quy định đồng bộ, không chồng chéo với Nghị định số 98/2025/NĐ-CP. Cụ thể quy định: Sau khi được phân bổ dự toán kinh phí chi

thường xuyên ngân sách nhà nước thì tổ chức thực hiện mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định của pháp luật có liên quan và nghị định này (Điều 26, Điều 27). Nghĩa là:

+ Bước lập, phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thì thực hiện hoàn toàn theo Nghị định 98/2025/NĐ-CP.

+ Bước tổ chức thực hiện sau khi được phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

+ Bước quyết toán kinh phí thì thực hiện hoàn toàn theo Nghị định 98/2025/NĐ-CP.

- Điều 26 dự thảo Nghị định quy định thời gian thuê dịch vụ công nghệ thông tin được thực hiện trong nhiều năm: Quy định này đồng bộ với Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đấu thầu.

Thực tế, các cơ quan nêu vướng mắc rằng: Kinh phí chi thường xuyên được cấp hàng năm, dẫn đến các cơ quan, đơn vị gặp vướng mắc khi có nhu cầu thuê dịch vụ CNTT liên mạch nhiều năm, mỗi năm lại phải đấu thầu lại, cấp kinh phí thuê trong năm đó. Các cơ quan kiến nghị cần có quy định cho phép thuê dịch vụ trong nhiều năm, đấu thầu 1 lần, thuê trong nhiều năm và hàng năm không phải đấu thầu lại, hàng năm bố trí kinh phí để trả cho hợp đồng thuê dịch vụ CNTT.

Dự thảo Nghị định này kế thừa lại quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP được thuê dịch vụ CNTT trong nhiều năm để bảo đảm tính ổn định, liên tục, không bị gián đoạn sử dụng dịch vụ CNTT. Quy định này không trái với Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu.

Lý do: Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 đã quy định tại Điều 45 về yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bao gồm trường hợp “Dự toán chi thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong nhiều năm được lập trên cơ sở khả năng thực hiện hàng năm và tổng mức kinh phí đã được phê duyệt (nếu có);”. Như vậy, Luật Ngân sách nhà nước đã cho phép được lập dự toán ngân sách nhà nước một lần cho nhiệm vụ kéo dài trong nhiều năm.

Luật Đấu thầu đã quy định tại Điều 37 về nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian thực hiện gói thầu, giá gói thầu trên cơ sở

toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu”. Như vậy, Luật Đấu thầu đã cho phép đấu thầu 1 lần và thực hiện hợp đồng trong nhiều năm.

Đồng thời, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP cũng đã quy định tại khoản 5 Điều 18 “Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực và ngày hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng không cùng một năm tài chính thì nêu rõ dự toán mua sắm của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm bảo đảm bố trí đầy đủ kinh phí để thanh toán hợp đồng trong từng năm. Việc thanh toán theo từng năm được thực hiện sau khi dự toán chi trong năm được phê duyệt.”

(3) Quy định về thẩm quyền, phân định thẩm quyền trong dự thảo Nghị định.

Dự thảo Nghị định có các quy định về thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị và có liên quan tới các Luật, Nghị định khác. Cụ thể như sau:

- Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công: Quy định tại Điều 6 của dự thảo Nghị định dẫn chiếu đến áp dụng thống nhất theo quy định tại Điều 38 và Điều 89 của Luật Đầu tư công.

- Thẩm quyền cơ quan thẩm định dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn đầu tư công: Quy định tại Điều 13 của dự thảo Nghị định dẫn chiếu đến áp dụng thống nhất theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 43 Luật Đầu tư công.

- Thẩm quyền cơ quan chuyên môn về CNTT của bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết của dự án sử dụng vốn đầu tư công (ở giai đoạn lập dự án): Quy định tại Điều 13 của dự thảo Nghị định.

Luật Đầu tư công không có quy định về việc thẩm định chuyên môn này. Nghị định số 85/2025/NĐ-CP (khoản 3 Điều 55) cũng đã loại trừ, cho phép “trình tư, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định ... dự án thuộc lĩnh vực CNTT thì thực hiện theo Nghị định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước”. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP hiện nay cũng đã có quy định thẩm định này và áp dụng ổn định trong nhiều năm nay.

Bộ KHCN dự kiến bỏ quy định thẩm định của cơ quan chuyên môn về CNTT để cắt giảm các cơ quan liên quan trong việc thẩm định dự án, mục đích để đơn giản hóa thủ tục thẩm định dự án. Quá trình lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị định, nhiều cơ quan có ý kiến đề nghị cần thiết giữ lại, phải có sự tham gia thẩm định

của cơ quan chuyên môn về CNTT thực hiện thẩm định thiết kế kỹ thuật của dự án. Do đó, dự thảo Nghị định phiên bản gửi Bộ Tư pháp thẩm định tiếp tục kế thừa Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP, giữ lại nhưng có chỉnh sửa quy định đơn vị chuyên môn về CNTT thực hiện thẩm định thiết kế của dự án. Thời gian thẩm định thiết kế này được tính trong tổng thời gian thẩm định dự án và không làm kéo dài thời gian thẩm định dự án.

Ngoài ra, tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP quy định Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế chi tiết dự án đầu tư ứng dụng CNTT nhóm A của các bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, thực hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phân quyền, phân định thẩm quyền cho các bộ, ngành, địa phương “tự quyết, tự làm, tự chịu trách nhiệm”, Nghị định số 133/2025/NĐ-CP (Điều 34, 35) đã quy định UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế chi tiết của dự án nhóm A tại địa phương; hiện nay còn thiếu chưa phân định thẩm quyền thẩm định này cho các bộ, cơ quan trung ương.

Tại dự thảo Nghị định đã phân định thẩm quyền triệt để cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tự thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế chi tiết của tất cả dự án đầu tư ứng dụng CNTT trong phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương. Không còn quy định Bộ KHCN thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế chi tiết của dự án nhóm A của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương như trước đây.

- Thẩm quyền quyết định hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước: Quy định tại Điều 26 của dự thảo Nghị định.

Tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP đã có quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ mua sắm, thuê dịch vụ CNTT, dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Đến dự thảo Nghị định này, tiếp tục kế thừa giữ lại các quy định về thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ mua sắm, thuê dịch vụ CNTT, dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, qua rà soát cho thấy: Nghị định số 98/2025/NĐ-CP hiện nay cũng có quy định về thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước (khoản 2 Điều 5). Tức là quy định trùng nhau về một vấn đề.

Do đó, để bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, dự thảo Nghị định này chỉ quy định dẫn chiếu đến thẩm quyền đã được quy định tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP mà không quy định khác, quy định lại.

- Thẩm quyền thẩm định (đầu mối) dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước: *Quy định tại Điều 27 của dự thảo Nghị định.*

Luật Đầu tư công không điều chỉnh đối với dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên, cho nên không thể áp dụng quy định thẩm quyền đầu mối thẩm định dự án đầu tư công cho dự án chi thường xuyên. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định riêng, rõ thẩm quyền đầu mối thẩm định dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên để các cơ quan thuận tiện áp dụng. Quy định này không trái với Luật Đầu tư công, không trái với Luật Ngân sách nhà nước và không trùng lặp với Nghị định số 98/2025/NĐ-CP.

- Thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế chi tiết của dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên: *Quy định tại Điều 27 của dự thảo Nghị định.*

Dự thảo Nghị định quy định rõ đơn vị chuyên môn về CNTT thực hiện thẩm định thiết kế kỹ thuật của dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên để các cơ quan, đơn vị thuận tiện áp dụng và có chỉnh sửa cho phù hợp với thực tiễn và với quy định chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

- Tổng số điều ước quốc tế được rà soát liên quan đến chính sách/dự thảo: 0 điều ước.

Qua rà soát đã xác định được có 0 điều ước quốc tế liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, trong đó bao gồm 0 điều ước quốc tế song phương và 0 điều ước quốc tế đa phương (nếu có); 0 điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ và 0 điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước.

- Dự thảo Nghị định không có quy định về thuế, ưu đãi hoặc đối xử với hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế. Do đó, không có quy định liên quan đến các điều ước quốc tế song phương, đa phương mà Việt Nam là thành viên.

4. Phụ lục

Chi tiết nội dung rà soát được trình bày tại Phụ lục của Báo cáo này.

Trên đây là nội dung báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có

liên quan đến dự thảo Nghị định quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, tổ chức gửi xin ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CĐSQG.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Đức Long

Phụ lục

Kết quả rà soát chi tiết các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản QPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước
(Kèm theo Báo cáo rà soát số /BC-BKHCN ngày / /2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định

Chủ trương, đường lối của Đảng	Quy định của dự thảo Nghị định	Đánh giá (đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	Đề xuất xử lý
Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã chỉ đạo khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế, xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: <i>Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo,</i>	(1) Điều 13 Dự thảo Nghị định bổ sung quy định rõ nội dung thẩm định dự án, cơ quan thẩm định dự án, thời gian thẩm định dự án, thời gian quyết định dự án, nội dung quyết định dự án. (2) Điều 13 Dự thảo Nghị định bỏ quy định phải lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở của đơn vị chuyên môn về CNTT. Thay vào đó, đơn vị đầu mối thẩm định dự án sẽ thực hiện thẩm định tất cả nội dung của dự án, bao gồm thiết kế. Tuy nhiên, qua quá trình lấy ý kiến rộng rãi, nhiều cơ quan đề nghị giữ lại/cần có sự tham gia thẩm định thiết kế kỹ	Trong phạm vi thẩm quyền quy định của văn bản cấp Nghị định và với các vấn đề được Luật giao quy định, dự thảo Nghị định đã thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng như đã được trích dẫn tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW	

Chủ trương, đường lối của Đảng	Quy định của dự thảo Nghị định	Đánh giá (đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	Đề xuất xử lý
chuyển đổi số quốc gia. Và cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính.	thuật của đơn vị chuyên môn về CNTT. (3) Điều 13 Dự thảo Nghị định sửa quy định đơn vị thẩm định thiết kế để tránh trường hợp cơ quan không có đơn vị chuyên môn về CNTT; bỏ quy định Bộ KHCN thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết dự án nhóm A.		
Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2015 của Bộ Chính trị về “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định quan điểm «Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống ». Mục tiêu « năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những "điểm nghẽn" do quy định pháp luật ». Các nhiệm vụ « Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa	(4) Điều 13 Dự thảo Nghị định bổ sung quy định chủ đầu tư được tự điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt thiết kế, không phải thực hiện lại quy trình điều chỉnh dự án như quy định hiện nay mà không làm thay đổi tổng mức đầu tư dự án, mục tiêu, quy mô, kết quả, địa điểm thực hiện dự án. (5) Điều 15 Dự thảo Nghị định bổ sung các quy định áp dụng riêng, đột phá để triển khai các dự án phần mềm nội bộ. Theo đó, những dự án này thì sau khi dự		

Chủ trương, đường lối của Đảng	Quy định của dự thảo Nghị định	Đánh giá (đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	Đề xuất xử lý
<i>phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn » ; « Tăng cường đối thoại, tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của pháp luật sau ban hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ chế kịp thời nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ, tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định của pháp luật ».</i>	<i>án được duyệt, chủ đầu tư được áp dụng hình thức một nhà thầu thiết kế chi tiết và triển khai dự án.</i> <i>(6) Điều 7 Dự thảo Nghị định bổ sung quy định rõ các trường hợp dự án thiết kế 01 bước.</i> <i>(7) Điều 12 Dự thảo Nghị định sửa đổi các quy định về phương pháp xác định tổng mức đầu tư, dự toán theo hướng dựa trên thị trường, báo giá và theo các phương pháp được nhiều quốc gia đang sử dụng.</i> <i>(8) Điều 15 Dự thảo Nghị định bổ sung các quy định dẫn chiếu áp dụng mẫu hồ sơ mời thầu đối với gói thầu thiết kế và thực hiện công tác triển khai áp dụng theo mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu EP của pháp luật về đấu thầu.</i> <i>(9) Điều 26 Dự thảo Nghị định bổ sung quy</i>		

Chủ trương, đường lối của Đảng	Quy định của dự thảo Nghị định	Đánh giá (đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	Đề xuất xử lý
	<i>định những trường hợp không phải triển khai theo hình thức dự án để đáp ứng giải quyết các vướng mắc các hoạt động ứng dụng CNTT cần triển khai ngay để kịp tiến độ theo chỉ đạo của các cấp lãnh đạo và đáp ứng sự thay đổi của quy định pháp luật.</i> <i>(10) Điều 7 Dự thảo Nghị định bổ sung quy định các trường hợp không phân biệt mức tiền (tổng mức đầu tư) mà chủ đầu tư thấy có thể thiết kế chi tiết được ngay từ khi lập dự án thì được áp dụng hình thức thiết kế 01 bước.</i> <i>(11) Điều 26 Dự thảo Nghị định bỏ quy định phải thuyết minh, so sánh, đánh giá giữa hình thức thuê dịch vụ CNTT với đầu tư, mua sắm để làm cơ sở quyết định hình thức thực hiện.</i> <i>(12) Điều 14 Dự thảo Nghị định bổ sung quy</i>		

Chủ trương, đường lối của Đảng	Quy định của dự thảo Nghị định	Đánh giá (đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	Đề xuất xử lý
	<i>định chủ đầu tư được tự điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt thiết kế, không phải thực hiện lại quy trình điều chỉnh dự án như quy định hiện nay mà không làm thay đổi tổng mức đầu tư, mục tiêu, quy mô, kết quả, địa điểm thực hiện dự án.</i> <i>(13) Điều 26 Dự thảo Nghị định quy định được thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong nhiều năm.</i> <i>(14) Điều 18 Dự thảo Nghị định quy định thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê phải bắt buộc bàn giao cho chủ trì thuê sau khi kết thúc hợp đồng thuê dịch vụ CNTT.</i> <i>(15) Điều 19 Dự thảo Nghị định quy định chủ đầu tư có trách nhiệm nghiệm thu để thanh toán cho nhà thầu cho phần công việc đã nghiệm thu, hoàn thành</i>		

Chủ trương, đường lối của Đảng	Quy định của dự thảo Nghị định	Đánh giá (đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	Đề xuất xử lý
	mà không do lỗi của nhà thầu. (16) Điều 20 Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về thời điểm tính thời gian bảo hành sản phẩm của dự án. (17) Điều 8 Dự thảo Nghị định bổ sung quy định dự án thuê dịch vụ CNTT sử dụng vốn đầu tư công ngân sách nhà nước. (18) Dự thảo Nghị định bỏ quy định loại trừ dự án PPP. Dự án PPP thực hiện theo quy định của pháp luật PPP và các quy định về kỹ thuật tại Nghị định này. (19) Điều 12 Dự thảo Nghị định quy định giá trị phần mềm được xác định theo báo giá thị trường.		

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định

Quy định của dự thảo Nghị định	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá (tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất)	Đề xuất xử lý
Quy định tại Điều 4 về	Điều 42 Luật Giao dịch	Đồng bộ, thống nhất	Quy định tại Điều

Quy định của dự thảo Nghị định	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá (tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất)	Đề xuất xử lý
Tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và bảo đảm khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu	điện tử quy định về Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số bao gồm Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số; khung kiến trúc số của các cơ quan, tổ chức.		4 chỉ mang tính viện dẫn đến Khung kiến trúc mà không quy định cụ thể về Khung kiến trúc để tránh chồng chéo với Luật giao dịch điện tử và Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025
Quy định tại Điều 4 về bảo đảm nguyên tắc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu theo quy định của Luật dữ liệu	Luật Dữ liệu (Điều 5).	Đồng bộ, thống nhất	Quy định này chỉ viện dẫn đến nguyên tắc đã được quy định tại Luật Dữ liệu mà không quy định lại, không quy định khác với Luật về vấn đề dữ liệu.
Quy định tại Điều 6 về phân loại dự án, chủ đầu tư dự án	Luật Đầu tư công (khoản 7 Điều 4 và Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11)	Đồng bộ, thống nhất	Quy định này chỉ viện dẫn đến quy định chủ đầu tư, các tiêu chí phân loại dự án đã được quy định tại Luật Đầu tư công mà không quy định lại, không quy định khác với Luật.
Quy định tại Điều 6 về lập, thẩm định, quyết định, điều chỉnh, dừng chủ trương đầu tư	Mục 1 Chương II của Luật Đầu tư công và các văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng bộ, thống nhất và có quy định riêng cho chuyên ngành CNTT về xác định sơ bộ tổng mức đầu tư dự án	Quy định này chỉ viện dẫn đến quy định đã có của Luật Đầu tư công mà không quy định lại, không quy định khác

Quy định của dự thảo Nghị định	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá (tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất)	Đề xuất xử lý
Quy định tại Điều 6 về Lập, thẩm định, quyết định, điều chỉnh, dừng dự án	Luật Đầu tư công (Điều 37 và mục 2 Chương II) Điều 55 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP	Đồng bộ, thống nhất	Lập, quyết định, điều chỉnh, dừng dự án là nhiều công đoạn/giai đoạn trong quá trình quyết định đầu tư dự án. Quy định trong dự thảo Nghị định theo nguyên tắc: Những quy định nào đã được Luật Đầu tư công quy định cứng thì viện dẫn đến Luật Đầu tư công để các cơ quan biết, áp dụng, không quy định lại hoặc quy định khác; những quy định nào Luật Đầu tư công giao cho Chính phủ quy định chi tiết thì dự thảo Nghị định này quy định chi tiết áp dụng riêng cho dự án CNTT.
Quy định về dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công (Chương II dự thảo Nghị định)	Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15 và Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (Điều 40) Luật Đầu tư công (điểm b khoản 1 Điều 6)	Đồng bộ, thống nhất và quy định riêng cho phù hợp với dự án chuyên ngành CNTT	Dự thảo Nghị định đã có các quy định về dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong Chương II dự thảo Nghị định, lồng ghép với các quy định riêng về dự án

Quy định của dự thảo Nghị định	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá (tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất)	Đề xuất xử lý
			CNTT và không trái với Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước
Quy định tại Điều 6 về bố trí vốn đầu tư công cho dự án đầu tư ứng dụng CNTT	Luật Đầu tư công (toàn bộ các Điều quy định tại Chương III)	Đồng bộ, thống nhất	Dự thảo Nghị định này chỉ viện dẫn đến Luật Đầu tư công mà không quy định lại, không quy định khác với Luật và các Nghị định quy định chi tiết.
Quy định tại Điều 6 về đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư ứng dụng CNTT	Toàn bộ Luật Đấu thầu và các Nghị định quy định chi tiết	Đồng bộ, thống nhất	Dự thảo Nghị định này chỉ viện dẫn đến Luật Đấu thầu mà không quy định lại, không quy định khác với Luật và các Nghị định quy định chi tiết
Quy định tại Điều 6 về xử lý tài sản là kết quả của dự án và tài sản phục vụ hoạt động của dự án	Luật Quản lý sử dụng tài sản công (Chương VI về chế độ quản lý, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước)	Đồng bộ, thống nhất	Nghị định này chỉ viện dẫn đến Luật Quản lý sử dụng tài sản công mà không quy định lại, không quy định khác với Luật và các Nghị định quy định chi tiết
Quy định tại Điều 6 về thanh toán, quyết toán dự án	Nghị định số 99/2021/NĐ-CP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Thông tư số 27/2025/TT-BTC ngày	Đồng bộ, thống nhất	Nghị định này chỉ viện dẫn đến pháp luật về thanh toán, quyết toán ngân sách nhà nước mà không quy định lại, không quy định

Quy định của dự thảo Nghị định	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá (tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất)	Đề xuất xử lý
	22/5/2025 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công		khác với văn bản này
Các quy định riêng về quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT tại các Điều còn lại của Chương II dự thảo Nghị định	Luật Công nghệ thông tin, Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng	Đồng bộ, thống nhất	Các quy định riêng về quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT thì dự thảo Nghị định này quy định và không trùng chéo, mâu thuẫn với Luật Công nghệ thông tin, Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng
Điều 26, Điều 27 quy định các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên sau khi được phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thì tổ chức thực hiện mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định của pháp luật có liên quan và Nghị định này	Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 98/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Đồng bộ, thống nhất	Dự thảo Nghị định này quy định đồng bộ, không chồng chéo với Nghị định số 98/2025/NĐ-CP. Cụ thể quy định: Sau khi được phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thì tổ chức thực hiện mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà

Quy định của dự thảo Nghị định	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá (tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất)	Đề xuất xử lý
			nước, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các quy định của pháp luật có liên quan và không phải lập dự án (Điều 26, Điều 27). Nghĩa là: + Bước lập, phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thì thực hiện hoàn toàn theo Nghị định 98/2025/NĐ-CP. + Bước tổ chức thực hiện sau khi được phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này. + Bước quyết toán kinh phí thì thực hiện hoàn toàn theo Nghị định 98/2025/NĐ-CP.
Điều 26 dự thảo Nghị định quy định thời gian thuê dịch vụ công nghệ thông tin được thực hiện trong nhiều năm	Luật Ngân sách nhà nước Luật Đấu thầu	Đồng bộ, thống nhất	Dự thảo Nghị định này kế thừa lại quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP được thuê dịch

Quy định của dự thảo Nghị định	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá (tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất)	Đề xuất xử lý
			vụ CNTT trong nhiều năm để bảo đảm tính ổn định, liên tục, không bị gián đoạn sử dụng dịch vụ CNTT. Quy định này không trái với Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu.
Điều 6 dự thảo Nghị định về thẩm quyền quyết định đầu tư dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công	Luật Đầu tư công (Điều 38, Điều 89)	Đồng bộ, thống nhất	Quy định tại Điều 6 của dự thảo Nghị định dẫn chiếu đến áp dụng thống nhất theo quy định tại Điều 38 và Điều 89 của Luật Đầu tư công
Điều 13 dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền cơ quan thẩm định dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn đầu tư công	Luật Đầu tư công (điểm c khoản 2 Điều 43)	Đồng bộ, thống nhất	Quy định tại Điều 13 của dự thảo Nghị định dẫn chiếu đến áp dụng thống nhất theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 43 Luật Đầu tư công
Điều 13 dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền cơ quan chuyên môn về CNTT của bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết của dự án sử dụng vốn đầu tư công (ở giai đoạn lập dự án)	Luật Đầu tư công; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP (khoản 3 Điều 55)	Đồng bộ, thống nhất	dự thảo Nghị định phiên bản gửi Bộ Tư pháp thẩm định tiếp tục kế thừa Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, 82/2024/NĐ-CP, giữ lại nhưng có chỉnh sửa quy định đơn vị chuyên môn

Quy định của dự thảo Nghị định	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá (tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất)	Đề xuất xử lý
			về CNTT thực hiện thẩm định thiết kế của dự án. Thời gian thẩm định thiết kế này được tính trong tổng thời gian thẩm định dự án và không làm kéo dài thời gian thẩm định dự án.
Điều 26 dự thảo Nghị định quy định về Thẩm quyền quyết định hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước	Nghị định số 98/2025/NĐ-CP (khoản 2 Điều 5)	Đồng bộ, thống nhất	Để bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, dự thảo Nghị định này chỉ quy định dẫn chiếu đến thẩm quyền đã được quy định tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP mà không quy định khác, quy định lại
Điều 27 dự thảo Nghị định quy định về thẩm quyền thẩm định (đầu mối) dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước	Nghị định 98/2025/NĐ- CP	Đồng bộ, thống nhất.	Luật Đầu tư công không điều chỉnh đối với dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên, cho nên không thể áp dụng quy định thẩm quyền đầu mối thẩm định dự án đầu tư công cho dự án chi thường xuyên. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định riêng, rõ thẩm quyền đầu mối thẩm định dự án sử

Quy định của dự thảo Nghị định	Quy định của pháp luật hiện hành có liên quan	Đánh giá (tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất)	Đề xuất xử lý
			dụng kinh phí chi thường xuyên để các cơ quan thuận tiện áp dụng. Quy định này không trái với Luật Đầu tư công, không trái với Luật Ngân sách nhà nước và không trùng lặp với Nghị định số 98/2025/NĐ-CP.
Điều 27 dự thảo Nghị định quy định về thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế chi tiết của dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên	Luật Tổ chức chính quyền địa phương	Đồng bộ, thống nhất	Dự thảo Nghị định quy định rõ đơn vị chuyên môn về CNTT thực hiện thẩm định thiết kế kỹ thuật của dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên để các cơ quan, đơn vị thuận tiện áp dụng và có chỉnh sửa cho phù hợp với thực tiễn và với quy định chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định

Quy định của dự thảo Nghị định	Quy định của Điều ước quốc tế có liên quan	Đánh giá (tính tương thích)	Đề xuất xử lý
Không có	Không có	Không có	Không có